TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-3-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 850/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Quốc T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh Võ Quốc T trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị N tự nguyện thành hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do có sự bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp nhau và không tự giải quyết được, nay anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Thời gian chung sống, anh và chị N có 02 con chung tên Võ Thúy D, sinh ngày 14/01/2007 đang ở cùng chị N và Võ Quốc T1, sinh ngày 25/8/2010 đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu Võ Quốc T1, giao cháu Võ Thúy D cho chị N nuôi; việc cấp dưỡng cho con không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không đặt ra yêu cầu.

Đối với chị Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi.

Đối với Võ Quốc T1 là con chung của anh T và chị N có nguyện vọng ở cùng anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Võ Quốc T có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt và chị Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị N có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Thời gian anh T và chị N chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng lẫn nhau và không tự giải quyết được, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án anh T xác định không thể tiếp tục sống chung và cương quyết ly hôn, trong khi đó chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi điều đó cho thấy chị N không có thiện chí để hàn gắn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung, sau khi ly hôn anh T yêu cầu nuôi cháu Võ Quốc T1, giao cháu Võ Thúy D cho chị N nuôi. Xét thấy, thực tế cháu T1 do anh T đang trực tiếp nuôi và cháu có nguyện vọng ở cùng anh; đối với cháu Thúy D do đi làm xa, nên Tòa án chưa xem xét được nguyện vọng của cháu, hiện cháu đã 17 tuổi, anh T xác định cháu đang ở cùng chị N, trong khi đó chị N không có ý kiến gì về việc nuôi con, để không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao Võ Quốc T1 cho anh T nuôi và giao cháu Võ Thúy D cho chị N nuôi.

Về cấp dưỡng cho con anh T không yêu cầu, chị N không có ý kiến gì, nên Tòa án không giải quyết.

Anh T, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Anh T chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Võ Quốc T được ly hôn với chị Huỳnh Thị N.

2. Về con chung: Anh T nuôi con tên Võ Quốc T1, sinh ngày 25/8/2010 hiện đang ở cùng anh. Chị N nuôi con tên Võ Thúy D, sinh ngày 14/01/2007 hiện đang ở cùng chị. Về cấp dưỡng cho con, do đương sự không yêu cầu, nên không giải quyết.

Anh T, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của người còn lại.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm anh Võ Quốc T phải chịu 300.000 đồng, anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004297 ngày 20/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Việt Xô